THIỀN VIỆN PHƯỚC SƠN
Đồi Lá Giang

GIÁO TRÌNH SƠ CẤP
VI DIỆU PHÁP

Khóa 1 - Phần 1

Biên soạn
HT. BỬU CHÁNH
Tiến sĩ Phật học chuyên ngành Abhidhamma

MÓN QUÀ PHÁP BẢO

Dhammapaṇṇākāra

☸

"Do nhờ món quà Pháp Bảo này,
mong cho được thành tựu phước thiện và trí tuệ
y như ý nguyện!"

Tạng Kinh: sâu xa về nghĩa lý (Suttana Attha Gambhiro).

Tạng Luật: sâu xa về việc làm (Vinaya Kicca Gambhiro).

Tạng Diệu pháp: sâu xa về bản thể của các pháp (Abhidhamma Sabhāva Gambhiro).

MỤC LỤC

01. CHIA PHÁP …….....03

02. GỒM PHÁP …….....13

03. Ý NGHĨA 300 THUẬT NGỮ ABHIDHAMMA ……..….23

Bài 1: **CHIA PHÁP**

1. **Tất cả là Pháp.**

2. **Pháp được chia làm 2:**
   - Pháp tục đế
   - Pháp chơn đế

3. **Pháp chơn đế được chia làm 2:**
   - Chơn đế vô vi
   - Chơn đế hữu vi

4. **Chơn đế hữu vi được chia làm 2:**
   - Sắc pháp
   - Danh pháp

5. **Danh pháp được chia làm 2:**
   - Sở hữu tâm
   - Tâm

6. **Tâm được chia làm 2:**
   - Tâm siêu thế
   - Tâm hiệp thế

7. **Tâm hiệp thế được chia làm 2:**
   - Tâm đáo đại
   - Tâm dục giới

8. **Tâm dục giới được chia làm 2:**
   - Tâm dục giới tịnh hảo
   - Tâm dục giới vô tịnh hảo

9. **Tâm dục giới vô tịnh hảo được chia làm 2:**
   - Tâm vô nhân
   - Tâm bất thiện

10. **Tâm bất thiện được chia làm 3:**
    - Tâm tham
    - Tâm sân
    - Tâm si

11. **Tâm tham được chia làm 8:**

- Tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ
- Tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ
- Tâm tham thọ hỷ ly tà vô trợ
- Tâm tham thọ hỷ ly tà hữu trợ
- Tâm tham thọ xả hợp tà vô trợ
- Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ
- Tâm tham thọ xả ly tà vô trợ
- Tâm tham thọ xả ly tà hữu trợ

12. **Tâm sân được chia làm 2:**
    - Tâm sân thọ ưu hợp phẩn vô trợ
    - Tâm sân thọ ưu hợp phẩn hữu trợ

13. **Tâm si được chia làm 2:**
    - Tâm si thọ xả hợp hoài nghi
    - Tâm si thọ xả hợp phóng dật

14. **Tâm vô nhân được chia làm 2:**
    - Tâm quả vô nhân
    - Tâm duy tác vô nhân

15. **Tâm quả vô nhân được chia làm 2:**
    - Tâm quả bất thiện vô nhân
    - Tâm quả thiện vô nhân

16. **Tâm quả bất thiện vô nhân được chia làm 7:**
    - Tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
    - Tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
    - Tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
    - Tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
    - Tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân
    - Tâm tiếp thâu thọ xả quả bất thiện vô nhân
    - Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân

17. **Tâm quả thiện vô nhân được chia làm 8:**
    - Tâm nhãn thức thọ xả quả thiện vô nhân
    - Tâm nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân
    - Tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân
    - Tâm thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân
    - Tâm thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân
    - Tâm tiếp thâu thọ xả quả thiện vô nhân
    - Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
    - Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân

18. **Tâm duy tác vô nhân được chia làm 3:**
- Tâm khán ngũ môn thọ xả
- Tâm khán ý môn thọ xả
- Tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ

19. **Tâm dục giới tịnh hảo được chia làm 3:**
- Tâm thiện dục giới tịnh hảo
- Tâm quả dục giới tịnh hảo
- Tâm duy tác dục giới tịnh hảo

20. **Tâm thiện dục giới tịnh hảo được chia làm 8:**
- Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ
- Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ
- Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ
- Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ
- Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ
- Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ
- Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ
- Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ

21. **Tâm quả dục giới tịnh hảo được chia làm 8:**
- Tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ
- Tâm quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ
- Tâm quả thọ hỷ ly trí vô trợ
- Tâm quả thọ hỷ ly trí hữu trợ
- Tâm quả thọ xả hợp trí vô trợ
- Tâm quả thọ xả hợp trí hữu trợ
- Tâm quả thọ xả ly trí vô trợ
- Tâm quả thọ xả ly trí hữu trợ

22. **Tâm duy tác dục giới tịnh hảo được chia làm 8:**
- Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ
- Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ
- Tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ
- Tâm duy tác thọ hỷ ly trí hữu trợ
- Tâm duy tác thọ xả hợp trí vô trợ
- Tâm duy tác thọ xả hợp trí hữu trợ
- Tâm duy tác thọ xả ly trí vô trợ
- Tâm duy tác thọ xả ly trí hữu trợ

23. **Tâm đáo đại được chia làm 2:**
- Tâm sắc giới
- Tâm vô sắc giới

24. **Tâm sắc giới được chia làm 3:**
- Tâm thiện sắc giới
- Tâm quả sắc giới
- Tâm duy tác sắc giới

25. **Tâm thiện sắc giới được chia làm 5:**
- Tâm thiện sơ thiền sắc giới
- Tâm thiện nhị thiền sắc giới
- Tâm thiện tam thiền sắc giới
- Tâm thiện tứ thiền sắc giới
- Tâm thiện ngũ thiền sắc giới

26. **Tâm quả sắc giới được chia làm 5:**
- Tâm quả sơ thiền sắc giới
- Tâm quả nhị thiền sắc giới
- Tâm quả tam thiền sắc giới
- Tâm quả tứ thiền sắc giới
- Tâm quả ngũ thiền sắc giới

27. **Tâm duy tác sắc giới được chia làm 5:**
- Tâm duy tác sơ thiền sắc giới
- Tâm duy tác nhị thiền sắc giới
- Tâm duy tác tam thiền sắc giới
- Tâm duy tác tứ thiền sắc giới
- Tâm duy tác ngũ thiền sắc giới

28. **Tâm vô sắc giới được chia làm 3:**
- Tâm thiện vô sắc giới
- Tâm quả vô sắc giới
- Tâm duy tác vô sắc giới

29. **Tâm thiện vô sắc giới được chia làm 4:**
- Tâm thiện không vô biên xứ
- Tâm thiện thức vô biên xứ
- Tâm thiện vô sở hữu xứ
- Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ

30. **Tâm quả vô sắc giới được chia làm 4:**
- Tâm quả không vô biên xứ
- Tâm quả thức vô biên xứ
- Tâm quả vô sở hữu xứ
- Tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ

31. **Tâm duy tác vô sắc giới được chia làm 4:**

- Tâm duy tác không vô biên xứ
- Tâm duy tác thức vô biên xứ
- Tâm duy tác vô sở hữu xứ
- Tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ

32. **Tâm siêu thế được chia làm 2:**
- Tâm đạo
- Tâm quả siêu thế

33. **Tâm đạo được chia làm 4:**
- Tâm sơ đạo
- Tâm nhị đạo
- Tâm tam đạo
- Tâm tứ đạo

34. **Tâm sơ đạo được chia làm 5:**
- Tâm sơ đạo sơ thiền
- Tâm sơ đạo nhị thiền
- Tâm sơ đạo tam thiền
- Tâm sơ đạo tứ thiền
- Tâm sơ đạo ngũ thiền

35. **Tâm nhị đạo được chia làm 5:**
- Tâm nhị đạo sơ thiền
- Tâm nhị đạo nhị thiền
- Tâm nhị đạo tam thiền
- Tâm nhị đạo tứ thiền
- Tâm nhị đạo ngũ thiền

36. **Tâm tam đạo được chia làm 5**
- Tâm tam đạo sơ thiền
- Tâm tam đạo nhị thiền
- Tâm tam đạo tam thiền
- Tâm tam đạo tứ thiền
- Tâm tam đạo ngũ thiền

37. **Tâm tứ đạo được chia làm 5:**
- Tâm tứ đạo sơ thiền
- Tâm tứ đạo nhị thiền
- Tâm tứ đạo tam thiền
- Tâm tứ đạo tứ thiền
- Tâm tứ đạo ngũ thiền

38. **Tâm quả siêu thế được chia làm 4:**

- Tâm sơ quả
- Tâm nhị quả
- Tâm tam quả
- Tâm tứ quả

39. **Tâm sơ quả được chia làm 5:**
- Tâm sơ quả sơ thiền
- Tâm sơ quả nhị thiền
- Tâm sơ quả tam thiền
- Tâm sơ quả tứ thiền
- Tâm sơ quả ngũ thiền

40. **Tâm nhị quả được chia làm 5:**
- Tâm nhị quả sơ thiền
- Tâm nhị quả nhị thiền
- Tâm nhị quả tam thiền
- Tâm nhị quả tứ thiền
- Tâm nhị quả ngũ thiền

41. **Tâm tam quả được chia làm 5:**
- Tâm tam quả sơ thiền
- Tâm tam quả nhị thiền
- Tâm tam quả tam thiền
- Tâm tam quả tứ thiền
- Tâm tam quả ngũ thiền

42. **Tâm tứ quả được chia làm 5:**
- Tâm tứ quả sơ thiền
- Tâm tứ quả nhị thiền
- Tâm tứ quả tam thiền
- Tâm tứ quả tứ thiền
- Tâm tứ quả ngũ thiền

43. **Sở hữu tâm được chia làm 3:**
- Sở hữu tợ tha
- Sở hữu bất thiện
- Sở hữu tịnh hảo

44. **Sở hữu tợ tha được chia làm 2:**
- Sở hữu biến hành
- Sở hữu biệt cảnh

45. **Sở hữu biến hành được chia làm 7:**
- Xúc

- Thọ
- Tưởng
- Tư
- Nhất hành
- Mạng quyền
- Tác ý

46. **Sở hữu biệt cảnh được chia làm 6:**
- Tầm
- Tứ
- Thắng giải
- Cần
- Hỷ
- Dục

47. **Sở hữu bất thiện được chia làm 5:**
- Sở hữu bất thiện biến hành (sở hữu si phần)
- Sở hữu tham phần
- Sở hữu sân phần
- Sở hữu hôn phần
- Sở hữu hoài nghi

48. **Sở hữu bất thiện biến hành được chia làm 4:**
- Si
- Vô tàm
- Vô úy
- Phóng dật

49. **Sở hữu tham phần được chia làm 3:**
- Tham
- Tà kiến
- Ngã mạn

50. **Sở hữu sân phần được chia làm 4:**
- Sân
- Tật
- Lận
- Hối

51. **Sở hữu hôn phần được chia làm 2:**
- Hôn trầm
- Thụy miên

52. **Sở hữu hoài nghi có 1.**

53. **Sở hữu tịnh hảo được chia làm 4:**
- Sở hữu tịnh hảo biến hành
- Sở hữu giới phần
- Sở hữu vô lượng phần
- Sở hữu trí tuệ

54. **Sở hữu tịnh hảo biến hành được chia làm 19:**
- Tín
- Niệm
- Tàm
- Uý
- Vô tham
- Vô sân
- Hành xả
- Tịnh thân
- Tịnh tâm
- Khinh thân
- Khinh tâm
- Nhu thân
- Nhu tâm
- Thích thân
- Thích tâm
- Thuần thân
- Thuần tâm
- Chánh thân
- Chánh tâm

55. **Sở hữu giới phần được chia làm 3:**
- Chánh ngữ
- Chánh nghiệp
- Chánh mạng

56. **Sở hữu vô lượng phần được chia làm 2:**
- Bi
- Tùy hỷ

57. **Sở hữu trí tuệ có 1.**

58. **Sắc pháp được chia làm 2:**
- Sắc tứ đại
- Sắc y đại sinh

59. **Sắc tứ đại được chia làm 4:**

- Sắc đất
- Sắc nước
- Sắc lửa
- Sắc gió

60. **Sắc y đại sinh được chia làm 10:**
- Sắc thần kinh
- Sắc cảnh giới
- Sắc tính
- Sắc ý vật
- Sắc mạng quyền
- Sắc vật thực
- Sắc hư không
- Sắc biểu tri
- Sắc đặc biệt
- Sắc tứ tướng

61. **Sắc thần kinh được chia làm 5:**
- Sắc thần kinh nhãn
- Sắc thần kinh nhĩ
- Sắc thần kinh tỷ
- Sắc thần kinh thiệt
- Sắc thần kinh thân

62. **Sắc cảnh giới được chia làm 4:**
- Sắc cảnh sắc
- Sắc cảnh thinh
- Sắc cảnh khí
- Sắc cảnh vị

63. **Sắc tính được chia làm 2:**
- Sắc nam tính
- Sắc nữ tính

64. **Sắc ý vật có 1.**

65. **Sắc mạng quyền có 1.**

66. **Sắc vật thực có 1**

67. **Sắc hư không có 1**

68. **Sắc biểu tri được chia làm 2:**
- Sắc thân biểu tri

- Sắc khẩu biểu tri

69. **Sắc đặc biệt được chia làm 3:**
- Sắc khinh
- Sắc nhu
- Sắc thích nghiệp

70. **Sắc tứ tướng được chia làm 4:**
- Sắc sinh
- Sắc tiến
- Sắc dị
- Sắc diệt

71. **Pháp tục đế được chia làm 2:**
- Danh chế định
- Nghĩa chế định

72. **Danh chế định được chia làm 6:**
- Danh chơn chế định
- Phi danh chơn chế định
- Danh chơn phi danh chơn chế định
- Phi danh chơn danh chơn chế định
- Danh chơn danh chơn chế định
- Phi danh chơn, phi danh chơn chế định

73. **Nghĩa chế định được chia làm 7:**
- Hình thức chế định
- Hiệp thành chế định
- Chúng sanh chế định
- Phương hướng chế định
- Thời gian chế định
- Hư không chế định
- Hình tướng chế định.

Bài 2: **GỒM PHÁP**

1. Tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ.
   Tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ
   Tâm tham thọ hỷ ly tà vô trợ
   Tâm tham thọ hỷ ly tà hữu trợ
   Tâm tham thọ xả hợp tà vô trợ
   Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ
   Tâm tham thọ xả ly tà vô trợ
   Tâm tham thọ xả ly tà hữu trợ
   Gồm lại gọi là 8 tâm tham.

2. Tâm sân thọ ưu hợp phấn vô trợ.
   Tâm sân thọ ưu hợp phấn hữu trợ
   Gồm lại gọi là 2 tâm sân.

3. Tâm si thọ xả hợp hoài nghi.
   Tâm si thọ xả hợp phóng dật
   Gồm lại gọi là 2 tâm si.

4. 8 Tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si
   Gồm lại gọi là 12 tâm bất thiện.

5. Tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân.
   Tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
   Tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
   Tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân
   Tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân
   Tâm tiếp thâu thọ xả quả bất thiện vô nhân
   Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân
   Gồm lại gọi là 7 tâm quả bất thiện vô nhân.

6. Tâm nhãn thức thọ xả quả thiện vô nhân.
   Tâm nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân
   Tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân
   Tâm thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân
   Tâm thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân
   Tâm tiếp thâu thọ xả quả thiện vô nhân
   Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân
   Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân
   Gồm lại gọi là 8 tâm quả thiện vô nhân.

7. 7 Tâm quả bất thiện vô nhân
   8 Tâm quả thiện vô nhân
   Gồm lại gọi là 15 tâm quả vô nhân.

8. Tâm khán ngũ môn thọ xả
   Tâm khán ý môn thọ xả
   Tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ
   Gồm lại gọi là 3 tâm duy tác vô nhân.

9. 15 Tâm quả vô nhân
   3 Tâm duy tác vô nhân
   Gồm lại gọi là 18 tâm vô nhân.

10. 12 Tâm bất thiện
    18 Tâm vô nhân
    Gồm lại gọi là 30 tâm dục giới vô tịnh hảo.

11. Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ
    Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ
    Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ
    Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ
    Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ
    Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ
    Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ
    Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ
    Gồm lại gọi là 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo.

12. Tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ
    Tâm quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ
    Tâm quả thọ hỷ ly trí vô trợ
    Tâm quả thọ hỷ ly trí hữu trợ
    Tâm quả thọ xả hợp trí vô trợ
    Tâm quả thọ xả hợp trí hữu trợ
    Tâm quả thọ xả ly trí vô trợ
    Tâm quả thọ xả ly trí hữu trợ
    Gồm lại gọi là 8 tâm quả dục giới tịnh hảo.

13. Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ
    Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ
    Tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ
    Tâm duy tác thọ hỷ ly trí hữu trợ
    Tâm duy tác thọ xả hợp trí vô trợ
    Tâm duy tác thọ xả hợp trí hữu trợ
    Tâm duy tác thọ xả ly trí vô trợ

Tâm duy tác thọ xả ly trí hữu trợ
Gồm lại gọi là 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo.

14. 8 Tâm thiện dục giới tịnh hảo
8 Tâm quả dục giới tịnh hảo
8 Tâm duy tác dục giới tịnh hảo
Gồm lại gọi là 24 tâm dục giới tịnh hảo.

15. 30 Tâm dục giới vô tịnh hảo
24 Tâm dục giới tịnh hảo
Gồm lại gọi là 54 tâm dục giới.

16. Tâm thiện sơ thiền sắc giới.
Tâm thiện nhị thiền sắc giới.
Tâm thiện tam thiền sắc giới.
Tâm thiện tứ thiền sắc giới.
Tâm thiện ngũ thiền sắc giới.
Gồm lại gọi là 5 tâm thiện sắc giới.

17. Tâm quả sơ thiền sắc giới.
Tâm quả nhị thiền sắc giới.
Tâm quả tam thiền sắc giới.
Tâm quả tứ thiền sắc giới.
Tâm quả ngũ thiền sắc giới.
Gồm lại gọi là 5 tâm quả sắc giới.

18. Tâm duy tác sơ thiền sắc giới.
Tâm duy tác nhị thiền sắc giới.
Tâm duy tác tam thiền sắc giới.
Tâm duy tác tứ thiền sắc giới.
Tâm duy tác ngũ thiền sắc giới.
Gồm lại gọi là 5 tâm duy tác sắc giới.

19. 5 Tâm thiện sắc giới.
5 Tâm quả sắc giới.
5 Tâm duy tác sắc giới.
Gồm lại gọi là 15 tâm sắc giới.

20. Tâm thiện không vô biên xứ
Tâm thiện thức vô biên xứ
Tâm thiện vô sở hữu xứ
Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ.
Gồm lại gọi là 4 tâm thiện vô sắc giới.

21. Tâm quả không vô biên xứ
Tâm quả thức vô biên xứ
Tâm quả vô sở hữu xứ
Tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ.
Gồm lại gọi là 4 tâm quả vô sắc giới.

22. Tâm duy tác không vô biên xứ
Tâm duy tác thức vô biên xứ
Tâm duy tác vô sở hữu xứ
Tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ.
Gồm lại gọi là 4 tâm duy tác vô sắc giới.

23. 4 Tâm thiện vô sắc giới.
4 Tâm quả vô sắc giới.
4 Tâm duy tác vô sắc giới.
Gồm lại gọi là 12 tâm vô sắc giới.

24. 15 Tâm sắc giới.
12 Tâm vô sắc giới.
Gồm lại gọi là 27 tâm đáo đại.

25. 54 Tâm dục giới.
27 Tâm đáo đại.
Gồm lại gọi là 81 tâm hiệp thế.

26. Tâm sơ đạo sơ thiền.
Tâm sơ đạo nhị thiền.
Tâm sơ đạo tam thiền.
Tâm sơ đạo tứ thiền.
Tâm sơ đạo ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm sơ đạo.

27. Tâm nhị đạo sơ thiền.
Tâm nhị đạo nhị thiền.
Tâm nhị đạo tam thiền.
Tâm nhị đạo tứ thiền.
Tâm nhị đạo ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm nhị đạo.

28. Tâm tam đạo sơ thiền.
Tâm tam đạo nhị thiền.
Tâm tam đạo tam thiền.
Tâm tam đạo tứ thiền.

Tâm tam đạo ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm tam đạo.

29. Tâm tứ đạo sơ thiền.
Tâm tứ đạo nhị thiền.
Tâm tứ đạo tam thiền.
Tâm tứ đạo tứ thiền.
Tâm tứ đạo ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm tứ đạo.

30. 5 Tâm sơ đạo.
5 Tâm nhị đạo.
5 Tâm tam đạo.
5 Tâm tứ đạo.
Gồm lại gọi là 20 tâm đạo.

31. Tâm sơ quả sơ thiền.
Tâm sơ quả nhị thiền.
Tâm sơ quả tam thiền.
Tâm sơ quả tứ thiền.
Tâm sơ quả ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm sơ quả.

32. Tâm nhị quả sơ thiền.
Tâm nhị quả nhị thiền.
Tâm nhị quả tam thiền.
Tâm nhị quả tứ thiền.
Tâm nhị quả ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm nhị quả

33. Tâm tam quả sơ thiền.
Tâm tam quả nhị thiền.
Tâm tam quả tam thiền.
Tâm tam quả tứ thiền.
Tâm tam quả ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm tam quả.

34. Tâm tứ quả sơ thiền.
Tâm tứ quả nhị thiền.
Tâm tứ quả tam thiền.
Tâm tứ quả tứ thiền.
Tâm tứ quả ngũ thiền.
Gồm lại gọi là 5 tâm tứ quả.

35. 5 Tâm sơ quả.
    5 Tâm nhị quả.
    5 Tâm tam quả.
    5 Tâm tứ quả.
    Gồm lại gọi là 20 tâm quả siêu thế.

36. 20 Tâm đạo.
    20 Tâm quả siêu thế
    Gồm lại gọi là 40 tâm siêu thế.

37. 81 Tâm hiệp thế.
    40 Tâm siêu thế
    Gồm lại gọi là 121 tâm.

38. Xúc
    Thọ
    Tưởng
    Tư
    Nhất hành
    Mạng quyền
    Tác ý
    Gồm lại gọi là 7 Sở hữu biến hành.

39. Tầm
    Tứ
    Thắng giải
    Cần
    Hỷ
    Dục
    Gồm lại gọi là 6 Sở hữu biệt cảnh.

40. 7 Sở hữu biến hành
    6 Sở hữu biệt cảnh
    Gồm lại gọi là 13 Sở hữu tợ tha.

41. Si
    Vô tàm
    Vô úy
    Phóng dật
    Gồm lại gọi là 4 Sở hữu bất thiện biến hành.

42. Tham
    Tà kiến

Ngã mạn
Gồm lại gọi là 3 Sở hữu tham phần.

43. Sân
Tật
Lận
Hối
Gồm lại gọi là 4 Sở hữu sân phần.

44. Hôn trầm
Thụy miên
Gồm lại gọi là 2 Sở hữu hôn phần.

45. **Sở hữu hoài nghi có 1.**

46. 4 Sở hữu bất thiện biến hành
3 Sở hữu tham phần
4 Sở hữu sân phần
2 Sở hữu hôn phần
1 Sở hữu hoài nghi
Gồm lại gọi là 14 Sở hữu bất thiện.

47. Tín
Niệm
Tàm
Uý
Vô tham
Vô sân
Hành xả
Tịnh thân
Tịnh tâm
Khinh thân
Khinh tâm
Nhu thân
Nhu tâm
Thích thân
Thích tâm
Thuần thân
Thuần tâm
Chánh thân
Chánh tâm
Gồm lại gọi là 19 Sở hữu tịnh hảo biến hành.

48. Chánh ngữ

Chánh nghiệp
Chánh mạng
Gồm lại gọi là 3 Sở hữu giới phần.

49. Bi
Tùy hỷ
Gồm lại gọi là 2 Sở hữu vô lượng phần.

50. **Sở hữu trí tuệ có 1**

51. 19 Sở hữu tịnh hảo biến hành
3 Sở hữu giới phần
2 Sở hữu vô lượng phần
1 Sở hữu trí tuệ
Gồm lại gọi là 25 Sở hữu tịnh hảo.

52. 13 Sở hữu tợ tha
14 Sở hữu bất thiện
25 Sở hữu tịnh hảo
Gồm lại gọi là 52 Sở hữu tâm.

53. 121 Tâm
52 Sở hữu tâm
Gồm lại gọi là 173 danh pháp.

54. Sắc đất
Sắc nước
Sắc lửa
Sắc gió
Gồm lại gọi là 4 sắc tứ đại.

55. Sắc thần kinh nhãn
Sắc thần kinh nhĩ
Sắc thần kinh tỷ
Sắc thần kinh thiệt
Sắc thần kinh thân
Gồm lại gọi là 5 sắc thần kinh.

56. Sắc cảnh sắc
Sắc cảnh thinh
Sắc cảnh khí
Sắc cảnh vị
Gồm lại gọi là 4 sắc cảnh giới.

57. Sắc nam tính
    Sắc nữ tính
    Gồm lại gọi là 2 sắc tính.

58. **Sắc ý vật có 1**

59. **Sắc mạng quyền có 1**

60. **Sắc vật thực có 1**

61. **Sắc hư không có 1**

62. Sắc thân biểu tri
    Sắc khẩu biểu tri
    Gồm lại gọi là 2 sắc biểu tri.

63. Sắc khinh
    Sắc nhu
    Sắc thích nghiệp
    Gồm lại gọi là 3 sắc đặc biệt.

64. Sắc sinh
    Sắc tiến
    Sắc dị
    Sắc diệt
    Gồm lại gọi là 4 sắc tứ tướng.

65. 5 Sắc thần kinh
    4 Sắc cảnh giới
    2 Sắc tính
    1 Sắc ý vật
    1 Sắc mạng quyền
    1 Sắc vật thực
    1 Sắc hư không
    2 Sắc biểu tri
    3 Sắc đặc biệt
    4 Sắc tứ tướng
    Gồm lại gọi là 24 sắc y đại sinh.

66. 4 Sắc tứ đại
    24 Sắc y đại sinh
    Gồm lại gọi là 28 sắc pháp.

67. 173 Danh pháp

28 Sắc pháp
Gồm lại gọi là 201 chơn đế hữu vi.

68. 1 Chơn đế vô vi
201 Chơn đế hữu vi
Gồm lại gọi là 202 pháp chơn đế.

69. Danh chơn chế định
Phi danh chơn chế định
Danh chơn phi danh chơn chế định
Phi danh chơn danh chơn chế định
Danh chơn danh chơn chế định
Phi danh chơn phi danh chơn chế định
Gồm lại gọi là 6 danh chế định.

70. Hình thức chế định.
Hiệp thành chế định
Chúng sanh chế định
Phương hướng chế định
Thời gian chế định
Hư không chế định
Hình tướng chế định
Gồm lại gọi là 7 nghĩa chế định.

71. 6 Danh chế định
7 Nghĩa chế định
Gồm lại gọi là 13 pháp tục đế.

72. 202 Pháp chơn đế
13 Pháp tục đế
Gồm lại gọi là 215 pháp.

Bài 3: **Ý NGHĨA 300 THUẬT NGỮ ABHIDHAMMA**

1. **Pháp: 215**

Pháp: Là tất cả.

2. **Pháp Tục Đế: 13**

Là pháp thuộc về sự thật của thế tục, thế gian.

Pháp Tục đế ví như dây chuyền, nhẫn, bông tai. Pháp Chơn đế ví như vàng

- Pháp: các hiện tượng
- Tục: thế tục, thế gian
- Đế: sự thật

3. **Pháp Chân Đế: 202**

Là pháp thuộc về sự thật của sự thật. Sự thật đúng như nó là, sự thật bản thể, sự thật bản chất.

- Chân: sự thật

4. **Chân Đế vô vi: 1**

Là pháp thuộc về sự thật của sự thật mà không còn có hành vi bằng thân, khẩu, ý. Còn gọi là Niết Bàn.

- Vô: không
- Vi: hành vi (bằng thân, khẩu, ý)

5. **Chân Đế hữu vi: 201**

Là pháp thuộc về sự thật của sự thật mà còn có hành vi bằng thân, khẩu, ý.

- Hữu: có

6. **Sắc pháp: 28**

Là pháp thuộc về sắc, vật chất.

- Sắc: vật chất

7. **Danh pháp: 173**

Là pháp thuộc về tinh thần, tâm lý. Danh pháp cũng được gọi là tứ danh uẩn (thọ, tưởng, hành, thức)

- Danh: thuộc về tinh thần, thuộc về tâm lý

8. **Sở hữu tâm: 52**

Là pháp phụ thuộc tâm, đi kèm tâm.

Sở hữu tâm ví như café, sữa, thuốc trừ sâu, thuốc độc. Tâm ví như nước

- Sở hữu: phần phụ thuộc, phần đi kèm theo
- Tâm: sự biết cảnh (sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp)

9. **Tâm: 121**

Là sự biết cảnh (sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp).

Tâm đồng nghĩa với ý và thức.

10. **Tâm Siêu Thế: 40**

Là tâm biết cảnh ngoài thế gian, tức biết cảnh Niết Bàn.

- Siêu: ngoài, vượt qua, vượt khỏi
- Thế: thế gian

11. **Tâm Hiệp Thế: 81**

Là tâm biết cảnh hợp thế gian, tức là biết cảnh sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp trong cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

- Hiệp: hợp với, hiệp với

12. **Tâm Đáo Đại: 27**

Là tâm biết cảnh đến lớn, tức là cảnh thiền đề mục sắc giới, cảnh thiền đề mục vô sắc giới (tham khảo 40 đề mục thiền chỉ trong Thanh Tịnh Đạo).

- Đáo: đến
- Đại: lớn

13. **Tâm Dục Giới: 54**

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục, tức là biết cảnh sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp.

- Dục: lục trần, lục dục
- Giới: lãnh vực, giới vức

14. **Tâm Dục Giới Tịnh Hảo: 24**

Là tâm biết cảnh biết cảnh sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà có 25 sở hữu tịnh hảo cùng sanh.

- Tịnh: thanh tịnh
- Hảo: tốt đẹp

15. **Tâm Dục Giới Vô Tịnh Hảo: 30**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà không có 25 sở hữu tịnh hảo cùng sanh.

16. **Tâm Vô Nhân: 18**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà không có 6 nhân (tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si) cùng sanh.

- Nhân: nguyên nhân.
- Có tất cả 6 nhân: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si; tương đương với 6 sở hữu tâm, lần lượt là: sở hữu tham, sở hữu sân, sở hữu si, sở hữu vô tham, sở hữu vô sân, sở hữu trí tuệ.

17. **Tâm Bất Thiện: 12**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà có các sở hữu bất thiện cùng sanh. Đó là những trạng thái tham, sân, si, phiền não.

- Bất: không
- Thiện: lành

18. **Tâm Tham: 8**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà có các sở hữu tham phần cùng sanh, khởi lên sự tham muốn, ham thích.

- Tham: tham lam, tham muốn, ham thích…

19. **Tâm Sân: 2**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà có các sở hữu sân phần cùng sanh, khởi lên sự khó chịu, bực bội, sân hận.

- Sân: giận, cáu, bực…

20. **Tâm Si: 2**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà có 4 sở hữu si phần cùng sanh, khởi lên sự ngu si, sự phóng dật, sự hoài nghi.

- Si: ngu si, si mê, mê mờ…

21. **Tâm Tham thọ hỷ hợp tà vô trợ: 1**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự tham muốn (sở hữu tham), có trạng thái **vui mừng**, hớn hở (thọ hỷ), **có** sở hữu tà kiến cùng sanh (hợp với tà kiến sai lầm), **không có** sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc chúng sanh khác, khởi lên một cách nhanh nhẹn không chần chừ, chậm chạp.

- Thọ: cảm thọ, cảm giác
- Hỷ: vui mừng
- Hợp: hòa hợp
- Tà: tà kiến, không hiểu biết về bản chất thật của danh sắc, không hiểu biết về nghiệp và quả của nghiệp… ngược lại với chánh kiến
- Trợ: trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của người

Ví dụ: một người vô chùa thấy tượng Phật bằng vàng khởi lên lòng ham muốn và ăn trộm với sự hoan hỷ, đồng thời nghĩ rằng không có tội lỗi gì vì mình mang về nhà thờ mà thôi. Trộm cắp một cách nhanh nhẹn không cần sự trợ giúp của bất cứ ai.

22. **Tâm Tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ: 1**

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự tham muốn (sở hữu tham), có sự **vui mừng**, hớn hở (thọ hỷ), **có** sở hữu tà kiến cùng sanh, **có** sự trợ giúp.

Ví dụ 1: một người vô chùa thấy tượng Phật bằng vàng khởi lên lòng ham muốn và ăn trộm với sự vui mừng đồng thời nghĩ rằng không có tội. Và có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

Ví dụ 2: khi tự người ấy đắn đo, tự mình thúc đẩy, khuyến khích bản thân hành động một lúc, rồi mới lấy trộm thì cũng gọi là hữu trợ.

23. **Tâm Tham thọ hỷ ly tà vô trợ: 1**

Là tâm biết cảnh lục trần, lục dục sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự tham muốn (sở hữu tham), có sự **vui mừng**, hớn hở (thọ hỷ), **không có** sở hữu tà kiến cùng sanh, **không có** sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

- Ly: phân ly, viễn ly
- Ly tà: không có tà kiến

Trong tâm tham ly tà thì sở hữu ngã mạn sanh khởi.

24. Tâm Tham thọ hỷ ly tà hữu trợ: 1

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự tham muốn (sở hữu tham), có sự **vui mừng**, hớn hở (thọ hỷ), **không có** sở hữu tà kiến cùng sanh, **có** sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

25. Tâm Tham thọ xả hợp tà vô trợ: 1

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự tham muốn (sở hữu tham), **thọ xả**, có sở hữu tà kiến cùng sanh, **không có** sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc chúng sanh khác, khởi lên nhanh nhẹn, không chần chừ, chậm chạp.

- Xả: cảm thọ trung tính, cảm giác bình thường, không vui, không buồn

26. Tâm Tham thọ xả hợp tà hữu trợ: 1

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự tham muốn (sở hữu tham), có trạng thái **thọ xả**, **có** tà kiến, và **có** sự trợ giúp bằng thân, khẩu ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

27. Tâm Tham thọ xả ly tà vô trợ: 1

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự tham muốn (sở hữu tham), **thọ xả**, **không có** sở hữu tà kiến cùng sanh, **không có** sự trợ giúp bằng thân, khẩu ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

28. Tâm Tham thọ xả ly tà hữu trợ: 1

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự tham muốn (sở hữu tham), **thọ xả**, **không có** sở hữu tà kiến cùng sanh, **có** sự trợ giúp bằng thân, khẩu ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

29. Tâm Sân thọ ưu hợp phẫn vô trợ: 1

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà có sở hữu sân phần cùng sanh, có trạng thái ưu phiền, hợp với phẫn nộ, **không có sự trợ giúp** bằng thân, khẩu ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

- Ưu: ưu phiền
- Phẫn: phẫn nộ

Ví dụ: khi nghe ai đó chửi mình, liền khởi lên sự sân hận, buồn phiền một cách nhanh chóng.

Những nguyên nhân dẫn đến sân:

- Thói quen sân, hận
- Không suy xét cẩn thận, đúng đắn
- Thiếu sự học hiểu
- Thường gặp cảnh không tốt

30. **Tâm Sân thọ ưu hợp phẩn hữu trợ: 1**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà có sở hữu sân phần cùng sanh, có trạng thái ưu phiền, hợp với phẫn nộ, và **có sự trợ giúp** bằng thân, khẩu ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

Ví dụ: khi có ai đó chửi mắng mình, lúc đầu không có cảm giác khó chịu nhưng có người hỏi tại sao người ta mắng mày mà mày không có phản ứng, lúc đó mới khởi lên sự khó chịu.

31. **Tâm Si thọ xả hợp hoài nghi: 1**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, có cảm thọ xả, có sự nghi ngờ về nhân quả, nghiệp báo, luân hồi tái sinh, về Phật, Pháp, Tăng v.v...

- Hoài nghi: hoài nghi về nghiệp báo, luân hồi, tái sanh, tội phước, về Phật, Pháp, Tăng, 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, v.v...

Ví dụ 1: khi thấy 1 người bị tai nạn, khởi lên tâm nghi ngờ về tiền kiếp của họ.

Ví dụ 2: khi thấy pho tượng Phật, khởi lên tâm nghi ngờ không biết Đức Phật có đắc đạo, đắc quả hay không…

32. **Tâm Si thọ xả hợp phóng dật: 1**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, có cảm thọ xả, có sở hữu phóng dật cùng sanh, thiếu chánh niệm, phóng túng, lao chao, loạn động.

- Phóng dật: lao chao, loạn động

33. **Tâm quả vô nhân: 15**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp. Tâm này là tâm quả tâm thiện và tâm bất thiện. Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

- Quả: kết quả

34. **Tâm Quả bất thiện vô nhân: 7**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà chỉ là cảnh xấu, không vừa ý, vừa lòng.

Tâm này là **tâm quả của 12 tâm bất thiện**.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

35. Tâm Quả thiện vô nhân: 8

Là tâm biết cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc lạc.

Tâm này là **tâm quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo**.

Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

36. Tâm Nhãn thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân: 1

Là cái biết sanh khởi nương nhãn vật, khi con mắt tiếp xúc cảnh sắc xấu, không vừa ý, không vừa lòng. Tâm này là tâm quả của 12 tâm bất thiện, có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh.

- Nhãn: mắt
- Thức: cái biết

37. Tâm Nhĩ thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân: 1

Là cái biết sanh khởi nương nhĩ vật, khi lỗ tai tiếp xúc cảnh thinh xấu, không vừa ý, không vừa lòng. Tâm này là tâm quả của 12 tâm bất thiện, có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh.

- Nhĩ: tai

38. Tâm Tỷ thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân: 1

Là cái biết sanh khởi nương tỷ vật, khi lỗ mũi tiếp xúc cảnh khí (cảnh hương) xấu, không vừa ý, không vừa lòng. Tâm này là tâm quả của 12 tâm bất thiện, có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh.

- Tỷ (Tỵ): mũi

39. Tâm Thiệt thức thọ xả Quả bất thiện vô nhân: 1

Là cái biết sanh khởi nương thiệt vật, khi lưỡi tiếp xúc cảnh vị xấu, không vừa ý, không vừa lòng. Tâm này là tâm quả của 12 tâm bất thiện, có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh.

- Thiệt: lưỡi

Ví dụ: Chúng sanh trong địa ngục phải nếm vị đồng sôi.

40. Tâm Thân thức thọ khổ Quả bất thiện vô nhân: 1

Là cái biết sanh khởi nương thân vật, khi cơ thể tiếp xúc cảnh xúc xấu, không vừa ý, không vừa lòng. Tâm này là tâm quả của 12 tâm bất thiện, có cảm thọ khổ, không có 6 nhân cùng sanh.

Ví dụ: người vừa sanh vào địa ngục, bị quỷ sứ dùng lưỡi cưa sắt cưa thân thể mỗi ngày hoặc bị đánh đập, vô cùng đau đớn.

41. **Tâm Tiếp thâu thọ xả Quả bất thiện vô nhân: 1**

Là tâm tiếp thu cảnh sắc, thinh, hương, vị, xúc xấu, không vừa ý, vừa lòng. Tâm này là tâm quả của 12 tâm bất thiện, có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh.

Tâm tiếp thâu ví như bảo vệ tiếp khách tại cổng tiếp nhận, trước khi đưa đến văn phòng.

- Tiếp thâu: tiếp thu, tiếp nhận

42. **Tâm Quan sát thọ xả Quả bất thiện vô nhân: 1**

Là tâm quan sát cảnh sắc, thinh, hương, vị, xúc xấu, không vừa ý, vừa lòng. Tâm này là tâm quả của 12 tâm bất thiện, có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh. Tâm này cũng làm việc mót cảnh dư của tâm đồng lực và việc tục sinh, hộ kiếp và tử cho người khổ.

43. **Tâm Nhãn thức thọ xả Quả thiện vô nhân: 1**

Là cái biết sanh khởi nương nhãn vật, khi con mắt tiếp xúc cảnh sắc tốt, ưng mắt, vừa ý, vừa lòng. Tâm này là tâm quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo, có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh.

Ví dụ: một người thấy phong cảnh đẹp, thấy những đồng tiền giá trị.

44. **Tâm Nhĩ thức thọ xả Quả thiện vô nhân: 1**

Là cái biết sanh khởi nương nhĩ vật, khi lỗ tai tiếp xúc cảnh thinh tốt, dễ nghe, vừa ý, vừa lòng. Tâm này là tâm quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo, có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh.

45. **Tâm Tỷ thức thọ xả Quả thiện vô nhân: 1**

Là cái biết sanh khởi nương tỷ vật, khi lỗ mũi tiếp xúc cảnh khí (cảnh hương) tốt, tức là hương thơm, vừa ý, vừa lòng. Tâm này là tâm quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo, có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh.

46. **Tâm Thiệt thức thọ xả Quả thiện vô nhân: 1**

Là cái biết sanh khởi nương thiệt vật, khi lưỡi tiếp xúc cảnh vị tốt, ngon ngọt, vừa ý, vừa lòng. Tâm này là quả của 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo, có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh.

47. **Tâm Thân thức thọ lạc Quả thiện vô nhân: 1**

Là cái biết sanh khởi nương thân vật, sanh khởi khi cơ thể tiếp xúc cảnh xúc tốt, êm ái, dễ chịu, vừa ý, vừa lòng. Tâm này là tâm quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo, có cảm thọ lạc, không có 6 nhân cùng sanh.

48. **Tâm Tiếp thâu thọ xả Quả thiện vô nhân: 1**

Tâm này là tâm tiếp thâu 5 cảnh tốt tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc lạc, vừa ý, vừa lòng. Tâm này là tâm quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo, có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh.

49. **Tâm Quan sát thọ xả Quả thiện vô nhân: 1**

Tâm này là tâm quan sát cảnh sắc, thinh, hương, vị, xúc tốt, vừa ý, vừa lòng. Tâm này là tâm quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo, có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh.

Tâm này cũng làm việc mót cảnh dư của tâm đồng lực và việc tục sinh, hộ kiếp và tử cho người lạc vô nhân.

50. **Tâm Quan sát thọ hỷ Quả thiện vô nhân: 1**

Tâm này là tâm quan sát cảnh sắc, thinh, hương, vị, xúc tốt, vừa ý, vừa lòng, nhưng vì cảnh quá tốt, quá hoan hỷ nên có cảm thọ hỷ. Tâm này là tâm quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo, có cảm thọ hỷ, không có 6 nhân cùng sanh.

Tâm này cũng làm việc mót cảnh dư của tâm đồng lực.

51. **Tâm Duy tác vô nhân: 3**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc pháp chỉ duy nhất có hành động mà không có quả của hành động. Tâm này không có 6 nhân cùng sanh.

52. **Tâm Khán Ngũ môn thọ xả:** 1

Là tâm hướng đến đối tượng của 5 cửa giác quan, đó là: cảnh sắc, thinh, hương, vị, xúc. Tâm này có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh.

53. **Tâm Khán Ý môn thọ xả: 1**

Là tâm hướng đến cửa ý cảnh pháp, hoặc phán đoán cảnh ngũ. Tâm này có cảm thọ xả, không có 6 nhân cùng sanh.

54. Tâm Ứng cúng vi tiếu thọ hỷ: 1

Là tâm làm việc cười của bậc Ứng Cúng A La Hán. Tâm này có thọ hỷ, không có 6 nhân cùng sanh.

55. Tâm Thiện dục giới tịnh hảo: 8

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành. Tâm này có 25 sở hữu tịnh hảo cùng sanh.

Là tâm khởi lên khi làm những việc lành: bố thí, trì giới, tham thiền, cung kính, phục vụ, nghe pháp, thuyết pháp, hồi hướng, tùy hỷ phước, điều chỉnh tri kiến.

- Thiện: không bệnh hoạn, tốt đẹp, khôn khéo, thiện xảo, không có lỗi lầm, nhân lành cho quả vui.
- 'Điều chỉnh tri kiến' tương đương với chánh kiến sở nghiệp. Có 10 điều thuộc về chánh kiến sở nghiệp, đó là:

1. Atthi dinnaṃ: chánh kiến biết đúng rằng: phước thiện bố thí sẽ có quả tốt, an lạc.

2. Atthi yiṭṭhaṃ: chánh kiến biết đúng rằng: phước thiện cúng dường sẽ có quả tốt, an lạc.

3. Atthi hutaṃ: chánh kiến biết đúng rằng: phước thiện cúng dường, đón rước, sẽ có quả tốt, an lạc.

4. Atthi sukatadukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipākaṃ: chánh kiến biết đúng rằng: đã tạo đại thiện nghiệp, ác nghiệp, rồi có quả an lạc của đại thiện nghiệp, có quả khổ của ác nghiệp.

5. Atthi ayaṃ loko: chánh kiến biết đúng rằng: có cõi giới này, nghĩa là có chúng sinh tái sinh đến cõi đời này.

6. Atthi paro loko: chánh kiến biết đúng rằng: có cõi giới khác, nghĩa là chúng sinh sau khi chết, nghiệp của họ cho quả tái sinh kiếp sau trong cõi khác.

7. Atthi mātā: chánh kiến biết đúng rằng: đối xử tốt, đối xử xấu với mẹ sẽ có quả tốt, quả xấu.

8. Atthi pitā: chánh kiến biết đúng rằng: đối xử tốt, đối xử xấu với cha sẽ có quả tốt, quả xấu.

9. Atthi sattā opapātikā: chánh kiến biết đúng rằng: có các loài chúng sinh hóa sinh to lớn ngay tức thì: như chư thiên cõi dục giới, chư phạm thiên cõi sắc giới, chư phạm thiên cõi vô sắc giới, chúng sinh địa ngục, loài ngạ quỷ, loài a-su-ra.

10. Atthi loke samaṇabrahmaṇā samaggatā sammā-paṭipannā ye imañca lokaṃ parañca lokaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti: chánh kiến biết đúng rằng: trong đời này, có các Sa-môn, Bà-la-môn là hành giả thực hành pháp hành thiền định

dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc giới, các bậc thiền vô sắc giới, chứng đắc các phép thần thông. Niền tin rằng có những hành giả thực hành pháp hành thiền tuệ, chứng đắc Thánh đạo, Thánh quả và Niết Bàn, thấy rõ, biết rõ cõi giới này, cõi giới khác, rồi thuyết giảng là điều có thật.

56. **Tâm Quả dục giới tịnh hảo: 8**

Là Quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo. Những tâm này làm việc tái sinh cho người và chư thiên ở cõi dục giới, cũng kiêm luôn làm việc hộ kiếp và tử cho người và chư thiên ở cõi dục giới.

57. **Tâm Duy tác dục giới tịnh hảo: 8**

Là tâm khởi lên khi tiếp xúc với 6 cảnh sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp khi làm những 10 việc lành: bố thí, trì giới, tham thiền…

Đây là tâm của các bậc A La Hán nên gọi là duy tác, nghĩa là duy chỉ có hành động, việc làm mà không có kết quả của hành động.

Tâm này cũng giống như 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo nhưng không cho quả như tâm thiện dục giới tịnh hảo.

58. **Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ: 1**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, hợp với trí tuệ và không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

- Hợp trí: sự hiểu biết đúng đắn, hiểu biết bản chất thật của các pháp, hiểu biết về nghiệp và quả của nghiệp…

Ví dụ: 1 Phật tử thấy 1 vị sư đi khất thực lòng rất vui mừng, liền nhanh chóng cúng dường thức ăn và nghĩ rằng cúng dường được phước báu cho đời nay và đời sau. Vui mừng là thọ hỷ. Biết cúng dường có phước là hợp trí. Bố thí cúng dường là tâm thiện dục giới. Nhanh chóng là vô trợ.

59. **Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ: 1**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, hợp với trí tuệ và có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

60. **Tâm Thiện thọ hỷ ly trí vô trợ: 1**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, nhưng không có trí tuệ và không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của các chúng sanh khác.

- Ly trí: không có sự hiểu biết đúng đắn, không hiểu biết bản chất thật của các pháp, không hiểu biết về nghiệp và quả của nghiệp…

Ví dụ: 1 người Phật tử vô Chánh điện đảnh lễ trước tượng Phật, đứa cháu cũng đảnh lễ nhưng đứa cháu không biết rằng lạy Phật là có phước.

61. **Tâm Thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ: 1**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có sự hoan hỷ, nhưng không có trí tuệ và có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

62. **Tâm Thiện thọ xả hợp trí vô trợ: 1**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, hợp với trí tuệ và không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

63. **Tâm Thiện thọ xả hợp trí hữu trợ: 1**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, hợp với trí tuệ và có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

64. **Tâm Thiện thọ xả ly trí vô trợ: 1**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, nhưng không có trí tuệ và không có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

65. **Tâm Thiện thọ xả ly trí hữu trợ: 1**

Là tâm biết cảnh dục giới sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi lên sự thiện lành, có cảm thọ xả, nhưng không có trí tuệ và có sự trợ giúp bằng thân, khẩu, ý của mình hoặc của chúng sanh khác.

66. **Tâm Quả thọ hỷ hợp trí vô trợ: 1**

Là Quả của tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ. Tâm này làm việc tái sinh cho người và chư thiên ở cõi dục giới, cũng kiêm luôn làm việc hộ kiếp và tử cho người và chư thiên ở cõi dục giới.

67. **Tâm Quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ: 1**

Là Quả của tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ. Tâm này làm việc tái sinh cho người và chư thiên ở cõi dục giới, cũng kiêm luôn làm việc hộ kiếp và tử cho người và chư thiên ở cõi dục giới.

68. **Tâm Quả thọ hỷ ly trí vô trợ: 1**

Là Quả của tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ. Tâm này làm việc tái sinh cho người và chư thiên ở cõi dục giới, cũng kiêm luôn làm việc hộ kiếp và tử cho người và chư thiên ở cõi dục giới.

69. **Tâm Quả thọ hỷ ly trí hữu trợ: 1**

Là Quả của tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ. Tâm này làm việc tái sinh cho người và chư thiên ở cõi dục giới, cũng kiêm luôn làm việc hộ kiếp và tử cho người và chư thiên ở cõi dục giới.

70. **Tâm Quả thọ xả hợp trí vô trợ: 1**

Là Quả của tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ. Tâm này làm việc tái sinh cho người và chư thiên ở cõi dục giới, cũng kiêm luôn làm việc hộ kiếp và tử cho người và chư thiên ở cõi dục giới.

71. **Tâm Quả thọ xả hợp trí hữu trợ: 1**

Là Quả của tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ. Tâm này làm việc tái sinh cho người và chư thiên ở cõi dục giới, cũng kiêm luôn làm việc hộ kiếp và tử cho người và chư thiên ở cõi dục giới.

72. **Tâm Quả thọ xả ly trí vô trợ: 1**

Là Quả của tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ. Tâm này làm việc tái sinh cho người và chư thiên ở cõi dục giới, cũng kiêm luôn làm việc hộ kiếp và tử cho người và chư thiên ở cõi dục giới.

73. **Tâm Quả thọ xả ly trí hữu trợ: 1**

Là Quả của tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ. Tâm này làm việc tái sinh cho người và chư thiên ở cõi dục giới, cũng kiêm luôn làm việc hộ kiếp và tử cho người và chư thiên ở cõi dục giới.

74. **Tâm Duy Tác thọ hỷ hợp trí vô trợ: 1**

Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ, nhưng đây là tâm của các bậc A La Hán nên gọi là duy tác nghĩa là duy chỉ có hành động, việc làm mà không có kết quả của hành động.

75. **Tâm Duy Tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ: 1**

Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ, nhưng đây là tâm của các bậc A La Hán nên gọi là duy tác nghĩa là duy chỉ có hành động, việc làm mà không có kết quả của hành động.

76. **Tâm Duy Tác thọ hỷ ly trí vô trợ: 1**

Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ, nhưng đây là tâm của các bậc A La Hán nên gọi là duy tác nghĩa là duy chỉ có hành động, việc làm mà không có kết quả của hành động.

77. **Tâm Duy Tác thọ hỷ ly trí hữu trợ: 1**

Tâm này giống như Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ, nhưng đây là tâm của các bậc A La Hán nên gọi là duy tác nghĩa là duy chỉ có hành động, việc làm mà không có kết quả của hành động.

78. **Tâm Duy Tác thọ xả hợp trí vô trợ: 1**

Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ, nhưng đây là tâm của các bậc A La Hán nên gọi là duy tác nghĩa là duy chỉ có hành động, việc làm mà không có kết quả của hành động.

79. **Tâm Duy Tác thọ xả hợp trí hữu trợ: 1**

Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ, nhưng đây là tâm của các bậc A La Hán nên gọi là duy tác nghĩa là duy chỉ có hành động, việc làm mà không có kết quả của hành động.

80. **Tâm Duy Tác thọ xả ly trí vô trợ: 1**

Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ, nhưng đây là tâm của các bậc A La Hán nên gọi là duy tác nghĩa là duy chỉ có hành động, việc làm mà không có kết quả của hành động.

81. **Tâm Duy Tác thọ xả ly trí hữu trợ: 1**

Tâm này giống như Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ, nhưng đây là tâm của các bậc A La Hán nên gọi là duy tác nghĩa là duy chỉ có hành động, việc làm mà không có kết quả của hành động.

82. **Tâm sắc giới: 15**

Là những tâm thuộc lãnh vực thiền đề mục thiền sắc giới, và thường hoạt động trong cõi Phạm thiên sắc giới.

83. **Tâm vô sắc giới: 12**

Là những tâm thuộc lãnh vực thiền đề mục thiền vô sắc giới, và thường hoạt động trong cõi Phạm thiên vô sắc.

84. **Tâm Thiện sắc giới: 5**

Là tâm đắc thiền và nhập thiền sắc giới. Những tâm này có được thông qua việc tu tập các đề mục thiền sắc giới.

85. **Tâm Quả sắc giới: 5**

Là Quả của tâm thiện sắc giới. Tâm quả này làm chức năng tái sinh, hộ kiếp và tử cho phạm thiên ở cõi sắc giới.

86. **Tâm Duy Tác sắc giới: 5**

Là tâm chứng đắc thiền và nhập thiền sắc giới của các bậc A La Hán. Tâm này cũng giống như tâm thiện sắc giới nhưng không cho quả như tâm thiện sắc giới.

87. **Tâm Thiện sơ thiền sắc giới: 1**

Là tâm chứng đắc tầng thiền sắc giới thứ nhất; có 5 chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc, và nhất tâm. Tâm này cũng sanh lên trong lộ tâm nhập sơ thiền sắc giới.

88. **Tâm Thiện nhị thiền sắc giới: 1**

Là tâm chứng đắc tầng thiền sắc giới thứ 2; có 4 chi thiền là tứ, hỷ, lạc, và nhất tâm. Tâm này cũng sanh lên trong lộ tâm nhập nhị thiền sắc giới.

89. **Tâm Thiện tam thiền sắc giới: 1**

Là tâm chứng đắc tầng thiền sắc giới thứ 3; có 3 chi thiền là hỷ, lạc, và nhất tâm. Tâm này cũng sanh lên trong lộ tâm nhập tam thiền sắc giới.

90. **Tâm Thiện tứ thiền sắc giới: 1**

Là tâm chứng đắc tầng thiền sắc giới thứ 4; có 2 chi thiền là lạc, và nhất tâm. Tâm này cũng sanh lên trong lộ tâm nhập tứ thiền sắc giới.

91. **Tâm Thiện ngũ thiền sắc giới: 1**

Là tâm chứng đắc tầng thiền sắc giới thứ 5; có 2 chi thiền là xả, và nhất tâm. Tâm này cũng sanh lên trong lộ tâm nhập ngũ thiền sắc giới.

92. **Tâm Quả sơ thiền sắc giới: 1**

Là Quả của tâm thiện sơ thiền sắc giới. Tâm quả này làm chức năng tái sinh, hộ kiếp và tử cho phạm thiên cõi sắc giới.

93. **Tâm Quả nhị thiền sắc giới: 1**

Là Quả của tâm thiện nhị thiền sắc giới. Tâm quả này làm chức năng tái sinh, hộ kiếp và tử cho phạm thiên cõi sắc giới.

94. **Tâm Quả tam thiền sắc giới: 1**

Là Quả của tâm thiện tam thiền sắc giới. Tâm quả này làm chức năng tái sinh, hộ kiếp và tử cho phạm thiên cõi sắc giới.

95. **Tâm Quả tứ thiền sắc giới: 1**

Là Quả của tâm thiện tứ thiền sắc giới. Tâm quả này làm chức năng tái sinh, hộ kiếp và tử cho phạm thiên ở cõi sắc giới.

96. **Tâm Quả ngũ thiền sắc giới: 1**

Là Quả của tâm thiện ngũ thiền sắc giới. Tâm quả này làm chức năng tái sinh, hộ kiếp và tử cho phạm thiên ở cõi sắc giới.

97. **Tâm Duy Tác sơ thiền sắc giới: 1**

Là tâm chứng đắc tầng thiền sắc giới thứ nhất và nhập sơ thiền sắc giới của các bậc A La Hán, có 5 chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

98. **Tâm Duy Tác nhị thiền sắc giới: 1**

Là tâm chứng đắc tầng thiền sắc giới thứ 2 và nhập nhị thiền sắc giới của các bậc A La Hán; có 4 chi thiền là tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

99. **Tâm Duy Tác tam thiền sắc giới: 1**

Là tâm chứng đắc tầng sắc giới thứ 3 và nhập tam thiền sắc giới của các bậc A La Hán; có 3 chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm.

100. **Tâm Duy Tác tứ thiền sắc giới: 1**

Là tâm chứng đắc tầng thiền sắc giới thứ 4 và nhập tứ thiền sắc giới của các bậc A La Hán; có 2 chi thiền là lạc và nhất tâm.

101. **Tâm Duy Tác ngũ thiền sắc giới: 1**

Là tâm chứng đắc tầng thiền sắc giới thứ 5 và nhập ngũ thiền sắc giới của các bậc A La Hán; có 2 chi thiền là xả và nhất tâm.

102. **Tâm Thiện vô sắc giới: 4**

Là tâm đắc thiền và nhập thiền vô sắc giới. Tâm này có được thông qua việc tu tập các đề mục thiền vô sắc giới.

103. **Tâm Quả vô sắc giới: 4**

Là Quả của Tâm Thiện vô sắc giới. Tâm này làm việc tục sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên ở cõi vô sắc.

104. **Tâm Duy Tác vô sắc giới: 4**

Là tâm đắc thiền và nhập thiền vô sắc giới của các bậc A La Hán.

105. **Tâm Thiện không vô biên xứ: 1**

Là tâm đắc thiền đề mục không vô biên giới, vô cùng tận, không bờ mé. Hành giả chứng đắc được thiền không vô xứ thông qua việc quán niệm: không gian vô biên, vô tận.

Tâm này cũng sanh lên trong lộ tâm nhập thiền không vô biên xứ.

Tâm này là nhân sanh làm Phạm Thiên ở cõi không vô biên xứ.

106. **Tâm Thiện thức vô biên xứ: 1**

Là tâm đắc thiền đề mục thức không biên giới, thức không cùng tận, thức không bờ mé. Hành giả chứng đắc thiền thức vô biên xứ bằng việc quán niệm trên đối tượng thiền là tâm vô sắc giới thứ nhất rằng: thức vô tận, thức vô biên.

Tâm này cũng sanh lên trong lộ tâm nhập thiền thức vô biên xứ.

Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên trong cõi thức vô biên xứ.

107. **Tâm Thiện vô sở hữu xứ: 1**

Là tâm tu thiền đắc thiền đề mục không có chi cả dù là danh pháp hay sắc pháp.

Hành giả chứng đắc thiền vô sở hữu xứ bằng việc quán niệm trên đối tượng thiền là sự biến mất của tâm vô sắc giới thứ nhất rằng: không có gì cả, chẳng có gì cả.

Tâm này cũng sanh lên trong lộ tâm nhập thiền vô sở hữu xứ.

Tâm này là nhân sanh vào cõi vô sở hữu xứ.

108. **Tâm Thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ: 1**

Là tâm tu thiền đắc thiền đề mục không có tưởng cũng không không có tưởng.

Hành giả chứng đắc thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng việc quán niệm trên đối tượng thiền là tâm vô sắc giới thứ ba rằng: đây là an bình (vì tâm vô sắc giới thứ ba có thể lấy sự trống không làm đối tượng). Một lần nữa, tâm hành giả trở nên tập trung, các triền cái được đè nén. Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ sanh lên khi hành giả chứng đắc thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Khi hành giả đạt đến tầng thiền này, các hoạt động của tâm rất vi tế, dường như không có nhưng cũng không phải là không có (saññā ở đây muốn chỉ cho các hoạt động của tâm nói chung, chứ không chỉ riêng sở hữu tưởng), nên được gọi là phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tâm này cũng sanh lên trong lộ tâm nhập thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ và lộ tâm nhập thiền diệt.

Tâm này là nhân sanh làm Phạm thiên trong cõi phi tưởng phi phi tưởng xứ.

109. **Tâm Quả không vô biên xứ: 1**

Là Quả của Tâm Thiện không vô biên xứ. Tâm này làm việc tục sinh, hộ kiếp, và tử cho các vị Phạm thiên ở cõi không vô biên xứ.

110. **Tâm Quả thức vô biên xứ: 1**

Là Quả của Tâm Thiện thức vô biên xứ. Tâm này làm việc tục sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên ở cõi thức vô biên xứ.

111. **Tâm Quả vô sở hữu xứ: 1**

Là Quả của Tâm Thiện vô Sở hữu xứ. Tâm này làm việc tục sinh, hộ kiếp, và tử của cho các vị Phạm thiên ở cõi vô sở hữu xứ.

112. **Tâm Quả phi tưởng phi phi tưởng xứ: 1**

Là quả của tâm Thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ. Tâm này làm việc tục sinh, hộ kiếp và tử cho các vị Phạm thiên ở cõi phi tưởng phi phi tưởng xứ.

113. **Tâm Duy Tác không vô biên xứ: 1**

Là tâm đắc thiền và nhập thiền không vô biên xứ của các bậc A La Hán. Tâm này cũng giống Tâm Thiện không vô biên xứ nhưng không cho quả.

114. **Tâm Duy Tác thức vô biên xứ: 1**

Là tâm đắc thiền và nhập thiền thức vô biên xứ của các bậc A La Hán. Tâm này cũng giống Tâm Thiện thức vô biên xứ nhưng không cho quả.

115. **Tâm Duy Tác vô sở hữu xứ: 1**

Là tâm đắc thiền và nhập thiền vô sở hữu xứ của các bậc A La Hán. Tâm này cũng giống Tâm Thiện vô Sở hữu xứ nhưng không cho quả.

116. **Tâm Duy Tác phi tưởng phi phi tưởng xứ: 1**

Là tâm đắc thiền, nhập thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ, và nhập thiền diệt của các bậc A La Hán. Tâm này cũng giống như Tâm Thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ nhưng không cho quả.

117. **Tâm Đạo: 20**

Là tâm đắc đạo. Là tâm đang sát trừ phiền não, đang thấy rõ Niết Bàn.

118. **Tâm Quả Siêu Thế: 20**

Là tâm đắc quả siêu thế. Là tâm đã sát trừ phiền não. Là tâm quả của tâm đạo.

119. **Tâm Sơ đạo: 5**

Là tâm đắc đạo lần thứ nhất. Là tâm đang sát trừ phiền não, đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ nhất.

Tâm Sơ Đạo đang diệt trừ: Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ.

Tâm Sơ đạo cũng được gọi là Thất lai đạo, hay Dự lưu đạo hay Nhập lưu đạo hay Tu Đà Hườn đạo.

120. **Tâm Nhị đạo: 5**

Là tâm đắc đạo lần thứ 2. Là tâm đang sát trừ phiền não, đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 2. Tâm Nhị đạo đang làm giảm nhẹ: Dục ái và Sân.

Tâm Nhị đạo cũng được gọi là Tư Đà Hàm đạo hay Nhất lai đạo tức là chỉ trở lại cõi dục giới vui một kiếp mà thôi.

121. **Tâm Tam đạo: 5**

Là tâm đắc đạo lần thứ 3. Là tâm đang sát trừ phiền não, đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 3. Tâm Tam đạo đang diệt trừ Dục ái và Sân.

Tâm Tam đạo cũng được gọi là A Na Hàm đạo hay Bất lai đạo tức là không trở lại cõi Dục giới nữa.

122. **Tâm Tứ đạo: 5**

Là tâm đắc đạo lần thứ 4. Là tâm đang sát trừ phiền não, đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 4. Tâm Tứ đạo đang diệt trừ Ái sắc, Ái vô sắc, Ngã mạn, Phóng dật và Vô minh.

Tâm Tứ đạo cũng được gọi là A La Hán đạo hay Vô Sanh đạo tức là không còn tái sanh nữa.

123. **Tâm Sơ đạo Sơ thiền: 1**

Là tâm đắc đạo lần thứ nhất và đắc sơ thiền sắc giới.

124. **Tâm Sơ đạo Nhị thiền: 1**

Là tâm đắc đạo lần thứ nhất và đắc nhị thiền sắc giới.

125. **Tâm Sơ đạo Tam thiền: 1**

Là tâm đắc đạo lần thứ nhất và đắc tam thiền sắc giới.

126. **Tâm Sơ đạo Tứ thiền: 1**

Là tâm đắc đạo lần thứ nhất và đắc tứ thiền sắc giới.

127. **Tâm Sơ đạo Ngũ thiền: 1**

Là tâm đắc đạo lần thứ nhất và đắc ngũ thiền sắc giới.

128. **Tâm Nhị đạo Sơ thiền: 1**
Là tâm đắc đạo lần thứ 2 và đắc sơ thiền sắc giới.

129. **Tâm Nhị đạo Nhị thiền: 1**
Là tâm đắc đạo lần thứ 2 và đắc nhị thiền sắc giới.

130. **Tâm Nhị đạo Tam thiền: 1**
Là tâm đắc đạo lần thứ 2 và đắc tam thiền sắc giới.

131. **Tâm Nhị đạo Tứ Thiền: 1**
Là tâm đắc đạo lần thứ 2 và đắc tứ thiền sắc giới.

132. **Tâm Nhị đạo Ngũ thiền: 1**.
Là tâm đắc đạo lần thứ 2 và đắc ngũ thiền sắc giới.

133. **Tâm Tam đạo Sơ thiền: 1**
Là tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc sơ thiền sắc giới.

134. **Tâm Tam đạo Nhị thiền: 1**
Là tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc nhị thiền sắc giới.

135. **Tâm Tam đạo Tam thiền: 1**
Là tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc tam thiền sắc giới.

136. **Tâm Tam đạo Tứ thiền: 1**
Là tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc tứ thiền sắc giới.

137. **Tâm Tam đạo Ngũ thiền: 1**
Là tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc ngũ thiền sắc giới.

138. **Tâm Tứ đạo Sơ thiền: 1**

Là tâm đắc đạo lần thứ 4 và đắc sơ thiền sắc giới.

139. **Tâm Tứ đạo Nhị thiền: 1**

Là tâm đắc đạo lần thứ 4 và đắc nhị thiền sắc giới.

140. **Tâm Tứ đạo Tam thiền: 1**

Là tâm đắc đạo lần thứ 4 và đắc tam thiền sắc giới.

141. **Tâm Tứ đạo Tứ thiền: 1**

Là tâm đắc đạo lần thứ 4 và đắc tứ thiền sắc giới.

142. **Tâm Tứ đạo Ngũ thiền: 1**

Là tâm đắc đạo lần thứ 4 và đắc ngũ thiền sắc giới.

143. **Tâm Sơ quả: 5**

Là tâm quả của tâm sơ đạo. Tâm Sơ quả đã diệt trừ được Thân kiến, Hoài nghi và Giới cấm thủ.

144. **Tâm Nhị quả: 5**

Là tâm quả của tâm nhị đạo. Tâm Nhị quả đã làm giảm nhẹ Dục ái và Sân.

145. **Tâm Tam quả: 5**

Là tâm quả của tâm Tam đạo. Tâm Tam quả đã diệt trừ được Dục ái và Sân.

146. **Tâm Tứ quả: 5**

Là tâm quả của tâm Tứ đạo. Tâm Tứ quả đã diệt trừ được Ái sắc, Ái vô sắc, Ngã mạn, Phóng dật và Vô minh.

Tâm Tứ quả còn gọi là A la hán quả hay Vô Sanh quả.

147. **Tâm Sơ quả Sơ thiền: 1**

Là tâm đắc quả lần thứ nhất và đắc sơ thiền sắc giới.

148. **Tâm Sơ quả Nhị thiền: 1**

Là tâm đắc quả lần thứ nhất và đắc nhị thiền sắc giới.

149. **Tâm Sơ quả Tam thiền: 1**
Là tâm đắc quả lần thứ nhất và đắc tam thiền sắc giới.

150. **Tâm Sơ quả Tứ thiền: 1**
Là tâm đắc quả lần thứ nhất và đắc tứ thiền sắc giới.

151. **Tâm Sơ quả Ngũ thiền: 1**
Là tâm đắc quả lần thứ nhất và đắc ngũ thiền sắc giới.

152. **Tâm Nhị quả Sơ thiền: 1**
Là tâm đắc quả lần thứ 2 và đắc sơ thiền sắc giới.

153. **Tâm Nhị quả Nhị thiền: 1**
Là tâm đắc quả lần thứ 2 và đắc nhị thiền sắc giới.

154. **Tâm Nhị quả Tam thiền: 1**
Là tâm đắc quả lần thứ 2 và đắc tam thiền sắc giới.

155. **Tâm Nhị quả Tứ thiền: 1**
Là tâm đắc quả lần thứ 2 và đắc tứ thiền sắc giới.

156. **Tâm Nhị quả Ngũ thiền: 1**
Là tâm đắc quả lần thứ 2 và đắc ngũ thiền sắc giới.

157. **Tâm Tam quả Sơ thiền: 1**
Là tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc sơ thiền sắc giới.

158. **Tâm Tam quả Nhị thiền: 1**
Là tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc nhị thiền sắc giới.

159. **Tâm Tam quả Tam thiền: 1**

Là tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc tam thiền sắc giới.

160. **Tâm Tam quả Tứ thiền: 1**

Là tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc tứ thiền sắc giới.

161. **Tâm Tam quả Ngũ thiền: 1**

Là tâm đắc đạo lần thứ 3 và đắc ngũ thiền sắc giới.

162. **Tâm Tứ quả Sơ thiền: 1**

Là tâm đắc quả lần thứ 4 và đắc sơ thiền sắc giới.

163. **Tâm Tứ quả Nhị thiền: 1**

Là tâm đắc quả lần thứ 4 và đắc nhị thiền sắc giới.

164. **Tâm Tứ quả Tam thiền: 1**

Là tâm đắc quả lần thứ 4 và đắc tam thiền sắc giới.

165. **Tâm Tứ quả Tứ thiền: 1**

Là tâm đắc quả lần thứ 4 và đắc tứ thiền sắc giới.

166. **Tâm Tứ quả Ngũ thiền: 1**

Là tâm đắc quả lần thứ 4 và đắc ngũ thiền sắc giới.

167. **Sở hữu Tợ Tha: 13**

Là những Sở hữu tương theo các pháp khác. Nếu chúng hợp với tâm thiện thì là pháp thiện, nếu chúng hợp với tâm bất thiện thì là pháp bất thiện, nếu chúng hợp với tâm vô ký thì là pháp vô ký.

- Tợ: tương tợ
- Tha: khác

168. **Sở hữu Bất Thiện: 14**

Là những trạng thái tâm lý không lành, không tốt, ác, xấu.

169. **Sở hữu Tịnh Hảo: 25**

Là những trạng thái tâm lý thanh tịnh và tốt đẹp.

170. **Sở hữu Biến Hành: 7**

Là Sở hữu có mặt, đồng hành với 121 tâm.

171. **Sở hữu Biệt Cảnh: 6**

Là những Sở hữu tuỳ theo những hoàn cảnh riêng biệt mà có mặt với một số tâm này mà không có mặt với một số tâm kia.

172. **Sở hữu Xúc: 1**

Là sự gặp gỡ tiếp xúc giữa 6 vật (nhãn vật, nhĩ vật, tỷ vật, thiệt vật, thân vật, ý vật), hoặc 6 căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn), với 6 cảnh (cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp), và với 6 thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức).

Có 6 loại xúc là:

- Nhãn xúc (nằm trong nhãn thức),
- Nhĩ xúc (nằm trong nhĩ thức),
- Tỷ xúc (nằm trong tỷ thức),
- Thiệt xúc (nằm trong thiệt thức),
- Thân xúc (nằm trong thân thức),
- Ý Xúc (nằm trong ý thức).

173. **Sở hữu Thọ: 1**

Thọ là trạng thái tiếp nhận, tiếp thọ, cảm nhận đối tượng.

Thọ có 5 thứ và 6 loại:

- 5 thứ là:
  - Thọ Khổ: Đau nhức thân
  - Thọ Lạc: Êm ái thân
  - Thọ Ưu: Ưu phiền, đau đớn của tâm
  - Thọ Hỷ: Vui mừng, dễ chịu của tâm
  - Thọ Xả: ngoài ra ưu, hỷ, lạc, khổ
- 6 loại là:
  - Nhãn thọ: là sở hữu Thọ trong tâm nhãn thức để tiếp nhận cảnh sắc
  - Nhĩ thọ: là sở hữu Thọ trong tâm nhĩ thức để tiếp nhận cảnh thinh.
  - Tỷ thọ: là sở hữu Thọ trong tâm tỷ thức để tiếp nhận cảnh khí.
  - Thiệt thọ: là sở hữu Thọ trong tâm thiệt thức để tiếp nhận cảnh vị.
  - Thân thọ: là sở hữu Thọ trong tâm thân thức để tiếp nhận cảnh xúc

- Ý thọ: là sở hữu Thọ trong tâm ý thức để tiếp nhận cảnh pháp.

174. **Sở hữu Tưởng: 1**

Tưởng là trạng thái nhớ lại, hồi tưởng lại những cảnh vật đã qua, đã mất, đã diệt mà trước kia đã từng gặp.

Tưởng có 6 loại là: sắc tưởng, thinh tưởng, khí tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

175. **Sở hữu Tư: 1**

Tư là trạng thái cố ý, cố quyết, cố tâm. Sở hữu Tư có 6 loại là: sắc tư, thinh tư, khí tư, vị tư, xúc tư, pháp tư.

176. **Sở hữu Nhất Hành: 1**

Là trạng thái gom tâm vào 1 đề mục chong ngay vào cảnh, an trụ vào đối tượng, hay còn gọi là Sở hữu Định.

177. **Sở hữu Mạng Quyền: 1**

Là sở hữu có quyền bảo vệ mạng sống của các danh pháp (tâm + sở hữu tâm) khác. Gọi là mạng vì bảo tồn sự sống của các danh pháp trong 3 sát na tiểu (sanh, trụ, diệt). Gọi là quyền vì có quyền điều hành các danh pháp cùng sanh, cùng làm một phận sự.

178. **Sở hữu Tác Ý: 1**

Là trạng thái gom thâu đối tượng làm thành cảnh cho tâm, ví như kính hiển vi gom cảnh lại để mắt thấy.

179. **Sở hữu Tầm: 1**

Là trạng thái hướng tâm đến cảnh hay đem tâm đến đối tượng. Tầm tức là tìm kiếm cảnh cho tâm, ví như con ong bay đi tìm hoa.

Tầm có 6 loại là: sắc tầm, thinh tầm, khí tầm, vị tầm, xúc tầm, pháp tầm.

- Tầm: tìm

180. **Sở hữu Tứ: 1**

Là trạng thái quan sát đối tượng một cách khắn khít, chăm chú, ví như con ong bay rà rà chung quanh cái bông mà nó đã gặp.

Tứ có 6 loại là: sắc tứ, thinh tứ, khí tứ, vị tứ, xúc tứ, pháp tứ.

181. **Sở hữu Thắng Giải: 1**

Là trạng thái quyết đoán, giải quyết một cách thù thắng trước một sự vật, ví như vị quan toà tuyên án một vụ kiện.

182. **Sở hữu Cần: 1**

Là trạng thái siêng năng, tinh tấn, cần mẫn, chuyên cần, nỗ lực.

183. **Sở hữu Hỷ: 1**

Là trạng thái no vui bằng cảnh.

Tâm sở Hỷ là sự hân hoan đối với cảnh, khác với thọ hỷ là "nhận lãnh cảnh với sự thích thú".

184. **Sở hữu Dục: 1**

Là trạng thái mong muốn. Dục có 3 loại là:

- Tham Dục: Ham muốn ngũ trần, lục dục.
- Pháp dục: Ham muốn làm các thiện pháp.
- Tác Dục: Ham muốn làm các thiện pháp của các bậc A La Hán.

185. **Sở hữu Bất Thiện biến hành (Sở hữu Si phần): 4**

Là trạng thái tâm lý có mặt phổ biến, đồng hành với 12 tâm bất thiện.

186. **Sở hữu Tham phần: 3**

Là nhóm những sở hữu liên quan đến tham.

187. **Sở hữu Sân phần: 4**

Là nhóm trạng thái tâm lý sân hận, khó chịu, ưu phiền, bực bội, bất toại nguyện, không vừa ý.

188. **Sở hữu Hôn phần: 2**

Là những trạng thái lý dã dượi, yếu đuối, buồn ngủ.

Những tâm hữu trợ luôn có thì có sở hữu hôn phần, thụy miên đồng sanh.

189. **Sở hữu Hoài nghi: 1**

Là sự nghi ngờ không tin vào sự thật, là trạng thái lưỡng lự, phân vân, nghi ngờ về nhân quả, nghiệp báo, luân hồi, tái sanh, Phật, Pháp, Tăng, 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới…

190. **Sở hữu Si: 1**

Là trạng thái mê mờ tăm tối ngược với trí tuệ, đồng nghĩa với vô minh. Chính vì Sở hữu Si làm cho tâm chúng sanh đen tối, không sáng suốt, không biết rõ pháp chơn đế như tứ đế ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới.

191. **Sở hữu Vô tàm: 1**

Là trạng thái không hổ thẹn tội lỗi.

192. **Sở hữu Vô uý: 1**

Là trạng thái không ghê sợ tội lỗi.

193. **Sở hữu Phóng dật: 1**

Là trạng thái phóng túng, lao chao, dao động, bị trần cảnh chi phối.

194. **Sở hữu Tham: 1**

Là trạng thái tham đắm, chấp trước, luyến ái, say đắm đối tượng sắc, thinh, khí, vị, xúc, pháp.

195. **Sở hữu Tà kiến: 1**

Là trạng thái thấy sai hiểu lầm, hiểu không đúng, suy xét sai với pháp chân đế, không hiểu biết về nghiệp và quả của nghiệp… ngược lại với trí tuệ, do không gần bậc thiện tri thức.

196. **Sở hữu Ngã mạn: 1**

Là trạng thái tự đắc, tự kiêu, tự đại, tự cao, tự mãn, tự tôn, có trạng thái lý chấp ta, chấp tôi, có sự so sánh bằng, hơn hoặc thua.

197. **Sở hữu Sân: 1**

Là trạng thái bất bình, phẫn nộ, ưu phiền.

198. **Sở hữu Tật: 1**

Là trạng thái ganh tỵ, tật đố, không vừa lòng với phần hơn của người khác.

199. **Sở hữu Lận: 1**

Là trạng thái keo kiệt, bỏn xẻn, bón rít, hà tiện, giữ tài sản của mình, không cho ra ngoài.

200. **Sở hữu Hối: 1**

Là trạng thái hối tiếc những việc đã qua, hối hận việc ác đã làm, hối tiếc việc thiện đã bỏ qua, hối hận việc không đáng làm mà làm, việc đáng làm lại không làm.

201. **Sở hữu Hôn trầm: 1**

Là trạng thái lười biếng lui sụt, bỏ sự siêng năng, tinh tấn.

202. **Sở hữu Thuỵ miên (Thuỳ miên): 1**

Là trạng thái buồn ngủ, dã dượi.

- Miên: ngủ

203. **Sở hữu Tịnh Hảo biến hành: 19**

Là những trạng thái lý thanh tịnh tốt đẹp,

Sở hữu tịnh hảo có mặt, đồng hành trong tất cả 91 tâm tịnh hảo.

204. **Sở hữu Giới phần: 3**

Là những Sở hữu có năng lực sát trừ nghiệp ác của thân và khẩu khi hợp với tâm siêu thế và chế ngự nghiệp ác của thân và khẩu khi hợp với Tâm Thiện dục giới tịnh hảo.

205. **Sở hữu Vô lượng phần: 2**

Là trạng thái lấy vô lượng chúng sinh đau khổ và hạnh phúc làm đối tượng.

206. **Sở hữu Trí tuệ: 1**

Là trạng thái sáng suốt, thông minh, hiểu biết sự vật đúng với sự thật. Hiểu biết Tứ đế. Ngược lại với vô minh.

207. **Sở hữu Tín: 1**

Là trạng thái tin tưởng, tín ngưỡng.

Tín có 2 loại: Phàm tín và Thánh tín; hoặc là Chánh tín và Tà tín.

208. **Sở hữu Niệm: 1**

Là trạng thái biết ngay, biết rõ ngay trong hiện tại, biết ngay tức khắc.

Niệm là sự sự hay biết đối tượng ngay trong hiện tại, ở cùng với cảnh trong hiện tại. Khi có niệm, tâm ý không chỉ hướng đến đối tượng mà còn ghi nhận, trực nhận đối tượng.

209. **Sở hữu Tàm: 1**

Là trạng thái hổ thẹn với tội lỗi, mắc cỡ với tội lỗi, hổ thẹn với việc xấu.

210. **Sở hữu Uý: 1**

Là trạng thái ghê sợ tội lỗi, kinh hãi trước việc xấu.

211. **Sở hữu Vô tham: 1**

Là trạng thái không tham muốn lục dục, lục trần như nước không dính lá sen.

Đặc tính của vô tham là không dính mắc trần cảnh, sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp.

212. **Sở hữu Vô sân: 1**

Là trạng thái không nóng nảy, không sân hận, không bất bình, không bất mãn, không bất toại nguyện. Vô sân đồng nghĩa với tâm từ (Mettā). Vô sân với lục trần lục dục như nước với lửa. Vô sân làm cho các pháp đồng sanh được êm dịu, mát mẻ.

213. **Sở hữu Hành xả: 1**

Là trạng thái quân bình, bình thản, trung lập, không thiên lệch của tâm trí; ví như người đánh xe giỏi khéo điều khiển cặp ngựa song hành, luôn luôn đi ngang nhau.

Tâm sở này giữ cho tâm và những tâm sở hoạt động một cách cân bằng, tốt đẹp.

Tâm xả trong tứ vô lượng tâm chính là sự trung lập của tâm trí hướng đến chúng sanh, đó là sở hữu hành xả, chứ không phải thọ xả. Cũng không nên nhầm lẫm hành xả với sự thờ ở, lãnh đạm, do bất cần, thiếu hiểu biết.

214. **Sở hữu Tịnh thân: 1**

Là trạng thái làm cho các sở hữu cùng sanh được an tịnh; ví như bóng mát của cây ngăn được sức nóng mặt trời.

215. **Sở hữu Tịnh tâm: 1**

Là trạng thái làm cho tâm cùng sanh được an tịnh.

216. **Sở hữu Khinh Thân: 1**

Là trạng thái làm cho các sở hữu cùng sanh được nhẹ nhàng.

217. **Sở hữu Khinh Tâm: 1**

Là trạng thái làm cho tâm cùng sanh được nhẹ nhàng.

Hai sở hữu khinh thân và khinh tâm này làm tiêu tan sự nặng nề của tâm và các sở hữu như người đặt gánh nặng xuống.

218. **Sở hữu Nhu Thân: 1**

Là trạng thái làm cho các sở hữu cùng sanh được mềm mại, nhu nhuyến.

219. **Sở hữu Nhu Tâm: 1**

Là trạng thái làm cho tâm cùng sanh được mềm mại, nhu nhuyến.

220. **Sở hữu Thích Thân: 1**

Là trạng thái làm cho các sở hữu cùng sanh được thích ứng, thích nghi, thích hợp với việc làm.

221. **Sở hữu Thích tâm: 1**

Là trạng thái làm cho tâm cùng sanh được thích ứng, thích nghi, thích hợp với việc làm.

222. **Sở hữu Thuần Thân: 1**

Là trạng thái làm cho các sở hữu cùng sanh được thuần thục trong công việc

223. **Sở hữu Thuần Tâm: 1**

Là trạng thái làm cho tâm cùng sanh được thuần thục, ví như người thợ lành nghề.

224. **Sở hữu Chánh thân: 1**

Là trạng thái làm cho các sở hữu cùng sanh được chân chánh, ngay thẳng.

225. **Sở hữu Chánh tâm: 1**

Là trạng thái làm cho tâm cùng sanh được chân chánh, ngay thẳng.

Ví như kim chỉ nam giúp cho kẻ lữ hành không lạc hướng.

226. **Sở hữu Chánh ngữ: 1**

Là trạng thái ngăn ngừa hoặc sát trừ ác nghiệp của khẩu, đó là không nói dối, không nói lời hung dữ, không nói lời chia rẽ, không nói lời nhảm nhí, vô ích.

227. **Sở hữu Chánh nghiệp: 1**

Là trạng thái ngăn ngừa và sát trừ ác nghiệp của thân tức là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.

228. **Sở hữu Chánh mạng: 1**

Là trạng thái ngăn ngừa và sát trừ sự nuôi mạng bằng cách tà vạy, tức là không dùng thân, khẩu, ý ác để nuôi mạng.

229. **Sở hữu Bi: 1**

Là trạng thái thương xót, khởi lòng bi mẫn với các chúng sanh đau khổ.

230. **Sở hữu Tùy hỷ: 1**

Là trạng thái vui theo sự hạnh phúc hay thành công của tất cả chúng sanh, dù là người thân hay kẻ thù.

231. **Sắc Tứ Đại: 4**

Là 4 sắc lớn: Đất, Nước, Lửa, Gió; là các nguyên tố cấu thành mọi vật như đất cát, cây cỏ, cơ thể người, quả núi… Tất cả các sắc pháp khác phụ thuộc chúng để sanh lên, tồn tại. Chúng có vai trò quan trọng, to lớn, vĩ đại như vậy, nên được gọi là sắc tứ đại.

- Tứ: bốn
- Đại: lớn, vĩ đại

232. **Sắc Đất: 1**

Là sắc pháp có trạng thái cứng hoặc mềm.

233. **Sắc Nước: 1**

Là sắc pháp có trạng thái thấm, rịn, tươm, ướt, chảy ra và quyến lại. Do nhwof thủy đại mà vật chất kết dính lại với nhau.

234. **Sắc Lửa: 1**

Là sắc pháp có trạng thái lạnh hoặc nóng, còn gọi là nhiệt độ.

235. **Sắc Gió: 1**

Là sắc pháp có trạng thái chuyển động, rung động, rung chuyển, di chuyển.

236. **Sắc Y Đại Sinh: 24**

Là sắc pháp y cứ theo Tứ đại mà sinh ra.

237. **Sắc Thần kinh: 5**

Là tinh chất của Tứ đại, sắc pháp liên quan đến hệ thần kinh.

238. **Sắc Cảnh giới: 4**

Sắc Cảnh Giới là đối tượng của các căn.

239. **Sắc Tính: 2**

Là sắc pháp biểu hiện tính nam hoặc tính nữ.

240. **Sắc Ý vật: 1**

Là hoặc sắc nào ý thức nương nhờ mà sinh lên. (Những giáo thọ truyền thống thì cho rằng sắc ý vật là một loại sắc pháp tồn tại phụ thuộc vào phần máu nằm trong trái tim. Một số giáo thọ gần đây cho rằng sắc ý vật nằm trong bộ não.)

241. **Sắc Mạng quyền: 1**

Là sắc pháp có khả năng bảo tồn các sắc nghiệp đồng sanh được tồn tại.

242. **Sắc Vật thực: 1**

Là sắc pháp có chất dinh dưỡng, có đặc tính nuôi dưỡng các sắc pháp khác được phát triển lớn mạnh.

Sắc vật thực có 2: sắc vật thực nội và sắc vật thực ngoại.

243. **Sắc Hư không: 1**

Là khoảng giữa của các sắc pháp.

Ví dụ: khoảng trống giữa lỗ tai, lỗ mũi, thiên nhiên, vũ trụ; giữa các phân tử

244. **Sắc Biểu tri: 2**

Là trạng thái của tâm được biểu lộ qua hành động, nét mặt, ngôn ngữ.

245. **Sắc Đặc biệt: 3**

Là sắc pháp có tính chất riêng biệt, đặc biệt.

246. **Sắc Tứ tướng: 4**

Là sắc pháp có 4 tướng trạng riêng biệt.

247. **Sắc Thần kinh Nhãn: 1**

Là tinh chất của Tứ đại, nằm trong đồng tử, có hình như đầu con chí đực. Là chỗ nương cho Nhãn thức. Chỗ nương của nhãn thức, có khả năng thâu nhận được cảnh sắc.

248. **Sắc Thần kinh Nhĩ: 1**

Là tinh chất của Tứ đại, nằm trong màng nhĩ là chỗ nương nhờ của Nhĩ thức, có khả năng thâu nhận cảnh thinh. Có hình thức như lông con cừu nằm trong lỗ tai.

249. **Sắc Thần kinh Tỷ: 1**

Là tinh chất của Tứ đại, là chỗ nương nhờ của Tỷ thức có khả năng thâu nhận cảnh khí. Có hình thức như móng chân con dê nằm trong lỗ mũi.

250. **Sắc Thần kinh Thiệt: 1**

Là tinh chất của Tứ đại. Là chỗ nương nhờ của Thiệt thức. Có khả năng thâu bắt cảnh vị. Có hình thức như đầu lông con nhím tỏa trên khắp trong lưỡi.

251. **Sắc Thần kinh Thân: 1**

Là tinh chất của Tứ đại, là chỗ nương nhờ của thân thức. Có khả năng thâu bắt cảnh xúc. Sắc thần kinh thân phủ lên trùm khắp toàn thân.

252. **Sắc Cảnh sắc: 1**

Là tất cả hình, sắc, vật mà mắt thấy được, là đối tượng của thần kinh nhãn.

253. **Sắc Cảnh thinh: 1**

Là tất cả tiếng, âm thanh mà tai nghe được, đối tượng của thần kinh nhĩ.

254. **Sắc Cảnh Khí: 1**

Là tất cả hơi mùi mà mũi ngửi được, đối tượng của thần kinh tỷ.

255. **Sắc Cảnh vị: 1**

Là tất cả vị cay, đắng, ngọt, bùi mà lưỡi nếm được, đối tượng của thần kinh thiệt.

256. **Sắc Nam tính: 1**

Là sắc pháp hiện bày của người nam, giống đực, con trống, có trạng thái hùng dũng, cứng cỏi.

257. **Sắc Nữ tính: 1**

Là sắc pháp hiện bày của người nữ, giống cái, mái, có trạng thái ôn hoà, dịu dàng, yểu điệu, yếu ớt, hiền hoà, dễ thương.

258. **Sắc Thân biểu tri: 1**

Là trạng thái của tâm được biểu lộ qua hành động, nét mặt, như cử động, múa tay, ra dấu để người khác thấy mà biết được.

259. **Sắc Khẩu biểu tri: 1**

Là trạng thái của tâm được biểu lộ qua ngôn ngữ như tiếng nói, tiếng cười để người khác nghe mà hiểu được.

260. **Sắc Khinh: 1**

Là sắc pháp có trạng thái nhẹ nhàng.

261. **Sắc Nhu: 1**

Là sắc pháp có trạng thái mềm dịu, không thô cứng.

262. **Sắc Thích nghiệp: 1**

Là sắc pháp có trạng thái thích hợp với việc làm.

Ví dụ: Khi gắp thức ăn, bàn tay đưa lên, đưa xuống thì hợp với hành động ấy.

263. **Sắc Sinh: 1**

Là sắc pháp vừa sinh khởi, vừa sinh ra.

264. **Sắc Tiến: 1**

Là sắc pháp được phát triển, tăng thêm.

Lưu ý:

Vòng đời của một sắc pháp có 3 giai đoạn:

- giai đoạn sanh (uppāda): 1 tiểu sát-na
- gia đoạn trụ (ṭhiti): 49 tiểu sát-na
- giai đoạn diệt (bhaṅga) : 1 tiểu sát-na

Sắc sinh + sắc tiến = giai đoạn sanh khởi của sắc pháp (kéo dài 1 tiểu sát-na)

265. **Sắc Dị: 1**

Là sắc già đi, khác đi, biến đổi.

Sắc dị = giai đoạn trụ của sắc pháp (kéo dài 49 tiểu sát-na)

266. **Sắc Diệt: 1**

Là sắc pháp tiêu hoại, hoại diệt.

Sắc diệt = giai đoạn diệt của sắc pháp (kéo dài 1 tiểu sát-na)

267. **Danh chế định: 6**
Là đặt tên cho các pháp

268. **Nghĩa chế định: 7**
Là dùng ý nghĩa để đặt tên.

269. **Danh chơn chế định: 1**
Là đặt tên cho một pháp chơn đế.
Ví dụ: tâm tham.

270. **Phi danh chơn chế định: 1**
Là đặt tên cho một pháp tục đế.
Ví dụ: chồng, vợ, sư phụ, đệ tử...

271. **Danh chơn Phi danh chơn chế định: 1**
Là đặt tên cho một pháp đầu có thực và pháp sau là không có thực.
Ví dụ: tâm tham của tôi...

272. **Phi danh chơn Danh chơn chế định: 1**
Là đặt tên cho pháp đầu không có thực và pháp sau là có thực.
Ví dụ: tôi có trí tuệ...

273. **Danh chơn Danh chơn chế định: 1**
Là đặt tên cho pháp đầu có thực và pháp sau cũng có thực.
Ví dụ: tâm chánh niệm...

274. **Phi danh chơn Phi danh chơn chế định: 1**
Là đặt tên cho pháp đầu không có thực mà pháp sau cũng không có thực.
Ví dụ: chồng của em, sư phụ của con...

275. **Hình thức chế định: 1**
Là dùng hình thức để đặt tên cho các pháp.
Ví dụ: biển, núi, sông, hồ...

276. **Hiệp thành chế định: 1**

Là hợp lại nhiều bộ phận để đặt tên.

Ví dụ: rui, mè, kèo, cột ráp lại thành một ngôi nhà.

277. **Chúng sanh chế định: 1**

Là nhìn các loại chúng sanh mà đặt tên.

Ví dụ: thú, người, trời, ma, quỷ, thánh, thần, tiên, Phật.

278. **Phương hướng chế định: 1**

Là nhìn phương hướng mà đặt tên.

Ví dụ: Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới…

279. **Thời gian chế định: 1**

Là dùng thời gian mà đặt tên.

Ví dụ: Xuân, Hạ, Thu, Đông, sáng, trưa, chiều, tối.

280. **Hư không chế định:1**

Là nhìn các chỗ trống, khe hở, khoảng hư không mà đặt tên.

Ví dụ: giếng, hang, hố, huyệt...

281. **Hình tướng chế định: 1**

Là nhìn những tướng trạng khác nhau mà đặt tên.

Ví dụ: lá cờ, bảng hiệu, tượng Phật.

282. **Tâm thiện siêu thế: 20 tâm đạo**

283. **Nhân: 6**

Có tất cả 6 nhân: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si; tương đương với 6 sở hữu tâm, lần lượt là: sở hữu tham, sở hữu sân, sở hữu si, sở hữu vô tham, sở hữu vô sân, sở hữu trí tuệ.

284. **Nhân bất thiện: 3**

Là 3 nhân tham, sân và si có mặt trong tâm bất thiện.

285. **Nhân thiện: 3**

Là 3 nhân vô tham, vô sân và vô si (trí tuệ) có mặt trong tâm thiện.

286. **Nhân vô ký: 3**

Là 3 nhân vô tham, vô sân và vô si (trí tuệ) có mặt trong tâm quả và tâm duy tác

287. **Tâm hữu nhân: 103** (= 121 tâm - 18 tâm vô nhân)

Là hữu nhân là tâm có nhân, có thể là tâm có 1 nhân, 2 nhân, hoặc 3 nhân.

288. **Tâm nhất nhân: 2 tâm si (2 tâm si chỉ có nhân si)**

Là tâm chỉ có duy nhất 1 nhân trong 6 nhân.

289. **Tâm nhị nhân: 22**

- Bất thiện: có **10** tâm bất thiện nhị nhân
    - 8 tâm tham (tâm tham có nhân tham và si)
    - 2 tâm sân (tâm sân có nhân sân và si)
- Thiện: có **4** tâm thiện nhị nhân, đó là: 4 tâm thiện dục giới tịnh hảo ly trí (có nhân vô tham và vô sân mà không có nhân vô si).
- Vô ký: có **8** tâm vô ký nhị nhân (có nhân vô tham và vô sân mà không có nhân vô si).
    - 4 tâm quả dục giới tịnh hảo ly trí
    - 4 tâm duy tác dục giới tịnh hảo ly trí

290. **Tâm tam nhân**: **79** (= 12 tâm dục giới tịnh hảo hợp trí + 27 tâm đáo đại + 40 tâm siêu thế).

Là tâm có 3 nhân vô tham, vô sân, vô si (trí tuệ).

291. **Tâm tịnh hảo: 91** (= 121 tâm – 30 tâm dục giới vô tịnh hảo)

Tâm tịnh hảo là tâm tốt đẹp và có các sở hữu tịnh hảo cùng sanh.

292. **Ngũ song thức**: **10**

Là 5 cặp đôi: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức quả bất thiện vô nhân và quả thiện vô nhân.

293. **Tâm phi thiền: 54 tâm dục giới** (= 30 tâm dục giới vô tịnh hảo + 24 tâm dục giới tịnh hảo)

294. **Tâm thiền: 67** (= 15 tâm sắc giới + 12 tâm vô sắc giới + 40 siêu thế).

295. **Tâm thiện đáo đại: 9** (= 5 tâm thiện sắc giới + 4 tâm thiện vô sắc giới)

296. **Tâm quả đáo đại: 9** (= 5 tâm quả sắc giới + 4 tâm quả vô sắc giới).

297. **Tâm duy tác đáo đại: 9** (= 5 tâm duy tác sắc giới + 4 tâm duy tác vô sắc giới)

298. **Tâm tương ưng**: **87** (= 4 tâm tham hợp tà + 2 tâm sân + 2 tâm si + 12 tâm hợp trí dục giới tịnh hảo + 27 tâm đáo đại + 40 tâm siêu thế)

Tâm tương ưng là tâm hợp với tà kiến, trí tuệ, hoài nghi, phóng dật và phẫn nộ.

299. **Tâm bất tương ưng: 34** (= 4 tâm tham ly tà + 12 tâm dục giới ly trí + 18 tâm vô nhân)

300. **Tâm khổ thọ: 3** (= 2 tâm sân + 1 tâm thân thức thọ khổ).

301. **Tâm lạc thọ (thọ lạc): 63** (= 4 tâm tham thọ hỷ + 1 tâm quan sát thọ hỷ + 1 tâm thân thức thọ lạc + 1 tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ + 12 tâm dục giới tịnh hảo thọ hỷ + 12 tâm sắc giới thọ hỷ + 32 tâm siêu thế thọ hỷ)

302. **Tâm thọ ưu:** 2 tâm sân

303. **Tâm thọ hỷ**: **62** (= 4 tâm tham thọ hỷ + 1 tâm quan sát thọ hỷ + 1 tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ + 12 tâm dục giới tịnh hảo thọ hỷ + 12 tâm sắc giới thọ hỷ + 32 tâm siêu thế thọ hỷ)

304. **Tâm thọ xả: 55** (= 6 tâm bất thiện thọ xả + 14 tâm vô nhân thọ xả + 12 tâm dục tịnh hảo thọ xả + 3 tâm sắc giới thọ xả + 12 tâm vô sắc giới thọ xả + 8 tâm siêu thế thọ xả).

305. **Tâm thiện: 37** (= 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo + 5 tâm thiện sắc giới + 4 tâm thiện vô sắc giới + 20 tâm đạo)

306. **Tâm vô ký: 72** (= 18 tâm vô nhân + 17 tâm duy tác hữu nhân + 37 tâm quả hữu nhân).

307. **Tâm tố (tâm duy tác)**: 20 tâm duy tác

308. **Tâm đại thiện:** 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo.

309. **Tâm đại quả:** 8 tâm quả dục giới tịnh hảo.

310. **Tâm đại tố:** 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo.

311. **Nhãn thức giới:** 2 tâm nhãn thức chỉ nương nhãn vật.

312. **Nhĩ thức giới:** 2 tâm nhĩ thức chỉ nương nhĩ vật.

313. **Tỷ thức giới:** 2 tâm tỷ thức chỉ nương tỷ vật.

314. **Thiệt thức giới:** 2 tâm thiệt thức chỉ nương thiệt vật.

315. **Thân thức giới:** 2 tâm thân thức chỉ nương thân vật.

316. **Ý giới: 3 (=** 2 tâm tiếp thâu + khán ngũ môn)
Là tâm chỉ nương ý vật.

317. **Ý thức giới: 108** (= 121 tâm – 10 ngũ song thức – 3 tâm ý giới)
Là tất cả những tâm còn lại đôi khi nương ý vật, đôi khi không nương ý vật.

Website: https://phuocson.org/